

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, cụ thể như sau:

Phần I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu đến năm 2025

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2025			Kết quả năm 2025	Đánh giá, nhận xét
			Trung ương	Tiền Giang (cũ)	Đồng Tháp (cũ)		
	Mục tiêu 1. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng						
1	Quy mô dân số	Triệu người	100	1,817	1,990	3,406	Không đạt
2	Tổng tỷ suất sinh	C o n / phụ nữ	2,1	1,8-2,1	1,76	1,72	Không đạt
3	Tỷ lệ phụ nữ trong độ tuổi sinh sản đẻ (15 - 49 tuổi) đang sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại	%	50	50	50	76	Đạt
4	Giảm tỷ lệ vị thành niên, thanh niên (10 - 24 tuổi) mang thai ngoài ý muốn	%	50	50	50	65,96	Đạt
	Mục tiêu 2: Đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phấn đấu duy trì cơ cấu tuổi của dân số ở mức hợp lý						
5	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	111	≤111	103-107	≤109	Đạt

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2025			Kết quả năm 2025	Đánh giá, nhận xét
			Trung ương	Tiền Giang (cũ)	Đồng Tháp (cũ)		
19	Tỷ lệ dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	%	100	100	95	100	Đạt
20	Tỷ lệ ngành, lĩnh vực, địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội	%	80	80	100	80	Không đạt
Mục tiêu 6: Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi							
21	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi;	%	20	20	50	-	
22	Tỷ lệ người cao tuổi trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phương tiện sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất	%	60	60	-	-	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mục tiêu đến năm 2025			Kết quả năm 2025	Đánh giá, nhận xét
			Trung ương	Tiền Giang (cũ)	Đồng Tháp (cũ)		
23	Tỷ lệ người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung;	%	100	100	95	100	Đạt

2. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí: **173.470.773.083 đồng**, trong đó:

- Kinh phí thực hiện tại tỉnh Tiền Giang (cũ): 129.294.798.083 đồng (bình quân khoảng 26 tỷ đồng/năm).

- Kinh phí thực hiện tại tỉnh Đồng Tháp (cũ) : 44.175.975.000 đồng (bình quân khoảng 11 tỷ đồng/năm).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đạt được

Trong giai đoạn 2021 - 2025, hầu hết các chỉ tiêu theo Kế hoạch của tỉnh đã đạt và vượt mục tiêu đề ra. Nổi bật là chỉ tiêu giảm tỷ lệ mang thai ở vị thành niên, giảm 65,96% so với năm 2019; tỷ lệ tầm soát trước sinh và sơ sinh đạt lần lượt 70% và 90%; tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai hiện đại đạt 76%.

Công tác thích ứng với già hóa dân số được quan tâm triển khai đồng bộ, đặc biệt là chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế được lập hồ sơ quản lý sức khỏe, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc y tế ban đầu.

Những kết quả nêu trên cho thấy việc định hướng, xác định mục tiêu và đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trong giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh là phù hợp và đúng hướng, tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng Kế hoạch giai đoạn tiếp theo.

2. Hạn chế và thách thức

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu, phản ánh những thách thức lớn đối với công tác dân số của tỉnh trong giai đoạn tới. Mức sinh tiếp tục duy trì ở mức thấp, dưới mức sinh thay thế, tiềm ẩn nguy cơ thiếu hụt nguồn lao động trong tương lai và ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Đơn vị tính: con/phụ nữ

	2021	2022	2023	2024	2025
Tiền Giang (cũ)	1,83	1,72	1,66	1,72	1,72
Đồng Tháp (cũ)	1,85	1,64	1,83	1,74	

Cơ cấu dân số chuyển dịch nhanh sang giai đoạn già hóa, với tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt 10,8%, cao hơn mục tiêu đề ra; trong khi tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi chỉ đạt 19,8%, thấp hơn mục tiêu. Số lượng người cao tuổi gia tăng nhanh làm gia tăng nhu cầu đầu tư cho hệ thống hưu trí, bảo trợ xã hội và đặc biệt là mạng lưới y tế lão khoa, chăm sóc sức khỏe dài hạn, trong khi năng lực đáp ứng của tỉnh còn nhiều hạn chế.

Bên cạnh đó, tỷ lệ dân số đô thị chưa đạt mục tiêu, cho thấy phân bố dân số còn chưa hợp lý, quá trình đô thị hóa diễn ra chậm. Một số chỉ tiêu về nâng cao chất lượng dân số, như tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, mới đạt khoảng 50%, chưa đáp ứng yêu cầu. Những hạn chế này đặt ra yêu cầu phải có các giải pháp mạnh mẽ, đồng bộ và toàn diện hơn trong giai đoạn 2026 - 2030.

3. Nguyên nhân hạn chế

Mức sinh thấp là xu thế chung trên phạm vi toàn cầu và cả nước. Áp lực ngày càng lớn về chi phí sinh hoạt, nhà ở, giáo dục và y tế, cùng với sự thay đổi trong quan niệm về hôn nhân, gia đình và vai trò của phụ nữ, đã tác động mạnh đến quyết định sinh con của các cặp vợ chồng trẻ. Sau một thời gian dài tập trung thực hiện thành công mục tiêu giảm sinh, cả hệ thống chính sách và nhận thức xã hội đã hình thành tư duy sinh ít con (1 - 2 con). Việc chuyển đổi sang các thông điệp khuyến sinh gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi thời gian và các giải pháp đủ mạnh để tạo ra sự thay đổi hành vi. Các chính sách khuyến khích hiện nay chủ yếu mang tính động viên tinh thần, chưa đủ sức bù đắp các áp lực kinh tế mà các gia đình đang đối mặt.

Bên cạnh đó, xu hướng già hóa dân số diễn ra nhanh trên phạm vi cả nước, kết hợp với mức sinh thấp kéo dài, tình trạng kết hôn muộn, không muốn sinh con hoặc sinh ít con, đã làm gia tăng nhanh tỷ trọng người cao tuổi trong cơ cấu dân số của tỉnh.

Ngoài ra, tác động của dịch COVID-19 trong giai đoạn 2020 - 2021 đã làm gián đoạn nhiều hoạt động dân số, đặc biệt là các chương trình khám sức khỏe, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện một số chỉ tiêu. Dịch bệnh cũng làm thay đổi dòng di cư, nhất là xu hướng di chuyển từ đô thị về nông thôn, góp phần làm giảm tỷ lệ dân số đô thị trong giai đoạn này.

Phần II

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ ĐẾN NĂM 2030

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Duy trì mức sinh hợp lý, phấn đấu nâng mức sinh để đạt mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Mục tiêu 1: Phấn đấu nâng mức sinh để đạt mức sinh thay thế

- Phấn đấu nâng mức sinh để đạt mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con), quy mô dân số ở mức 3.447.464 người.
- Mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có nhu cầu đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.
- Giảm 2/3 số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn (so với năm 2019).

Mục tiêu 2: Đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phấn đấu duy trì cơ cấu tuổi của dân số ở mức hợp lý

- Tỷ số giới tính khi sinh đạt từ dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%, tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%, tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.

Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng dân số cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần, tạo nền tảng cho sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%.
- Giảm 50% số cặp tảo hôn so với năm 2019.
- Tối thiểu 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất.
- Tối thiểu 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.
- Tuổi thọ bình quân của tỉnh tối thiểu 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm.
- Chiều cao thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 168,5cm; nữ đạt 157,5cm.

Mục tiêu 4: Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý, đảm bảo hài hòa các quyền và nghĩa vụ của người di cư

- Thúc đẩy đô thị hóa, đưa tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 45%.

- Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

Mục tiêu 5: Vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thống nhất, dùng chung trên quy mô toàn quốc.

- Vận hành các cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan đến dân số trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- 100% ngành, lĩnh vực và địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Mục tiêu 6: Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước nhanh, bền vững

- Thực hiện tốt việc đào tạo lao động, việc làm, xuất khẩu lao động, thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài; Xây dựng các Kế hoạch, Chương trình về những lĩnh vực nêu trên cho giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu tăng tối đa số lượng việc làm, nâng cao tỉ lệ lao động được đào tạo, cải thiện chất lượng việc làm.

- Thực hiện tốt các Kế hoạch, Chương trình chăm sóc sức khỏe (bao gồm cả chăm sóc sức khỏe sinh sản, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm...). Xây dựng các Kế hoạch, Chương trình về những lĩnh vực nêu trên cho giai đoạn 2026 - 2030 với mục tiêu đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt.

Mục tiêu 7: Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- Phát huy năng lực và kinh nghiệm của người cao tuổi, khoảng 70% người cao tuổi trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phương tiện sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất.

- Xây dựng môi trường xã hội thân thiện với người cao tuổi, có 50% số xã, phường đạt tiêu chí thân thiện với người cao tuổi.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quán triệt, tuyên truyền nhằm thống nhất nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội trong việc chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển. Triển khai hiệu quả cuộc vận động “Mỗi cặp

vợ chồng nên có 2 con”, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong sinh con, nuôi dạy con tốt, thúc đẩy bình đẳng giới và xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững.

Các sở, ban, ngành và địa phương căn cứ Kế hoạch này của Ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng và ban hành kế hoạch cụ thể của ngành, địa phương, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Tiếp tục lồng ghép các mục tiêu dân số và phát triển vào các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực và địa phương. Xác định công tác dân số, nhất là nâng mức sinh đạt mức sinh thay thế và nâng cao chất lượng dân số, là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; tăng cường trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên trong thực hiện chính sách dân số.

Đẩy mạnh phong trào thi đua và các cuộc vận động về công tác dân số; đề cao vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa tích cực trong toàn xã hội.

Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số được xác định là tiêu chí quan trọng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt, nhất là ở cơ sở, có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình và kịp thời chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh.

Tăng cường phối hợp liên ngành; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và Nhân dân trong tham gia thực hiện, giám sát công tác dân số. Huy động sự tham gia của các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa cơ quan dân số chuyên trách với các cơ quan, đơn vị liên quan trong triển khai Chiến lược.

Chủ động cung cấp thông tin, số liệu về tình hình dân số cho các bộ, ngành, địa phương và cơ quan báo chí nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền thường xuyên, liên tục, sâu rộng về dân số và phát triển trong tình hình mới.

2. Đổi mới công tác truyền thông, vận động về dân số

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW, tạo chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của toàn hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trong việc chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển.

Công tác truyền thông, giáo dục về dân số được triển khai theo hướng toàn diện, đồng bộ, bao gồm các nội dung về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số, đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

Đổi mới mạnh mẽ nội dung truyền thông theo định hướng dân số và phát triển, tập trung vào các vấn đề trọng tâm: nâng mức sinh đạt mức sinh thay thế; kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; chủ động thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

Tiếp tục tuyên truyền, vận động thực hiện cuộc vận động “Mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con”, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong sinh con và nuôi dạy con tốt. Xây dựng và triển khai các chiến dịch truyền thông chuyên đề, trong đó tập trung chủ đề “Sinh đủ hai con - Hạnh phúc gia đình, tương lai bền vững của tỉnh”; kết hợp truyền thông thay đổi hành vi với vận động chính sách, phân tích rõ lợi ích kinh tế – xã hội của việc duy trì mức sinh hợp lý và những hệ lụy của mức sinh thấp. Tôn vinh, nhân rộng các mô hình gia đình sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt trên các nền tảng số, mạng xã hội nhằm tiếp cận hiệu quả nhóm dân số trẻ.

Đẩy mạnh truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về bình đẳng giới, phát huy vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội. Tăng cường tuyên truyền về thực trạng, nguyên nhân và hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh; tạo dư luận xã hội lên án các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi; khuyến khích phát hiện, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật. Đồng thời, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật của đội ngũ cán bộ y tế, kiên quyết không để xảy ra tình trạng lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

Tăng cường truyền thông về mục đích, ý nghĩa và hiệu quả của các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số; vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước hôn nhân; phụ nữ mang thai tham gia tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được tầm soát, chẩn đoán và điều trị một số bệnh bẩm sinh. Đẩy mạnh tuyên truyền về tác hại, hệ lụy của tảo hôn và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về phòng, chống tảo hôn.

Vận động Nhân dân xây dựng lối sống lành mạnh, thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý; tổ chức đa dạng các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, thu hút sự tham gia của mọi lứa tuổi; chú trọng tuyên truyền, nêu gương các cá nhân, gia đình điển hình tiên tiến.

Phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng trong tuyên truyền, vận động về dân số và phát triển, gắn với sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hóa, hương ước, quy ước của địa phương.

Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới và bình đẳng giới cho học sinh, sinh viên, đặc biệt là trong giáo dục phổ thông, bảo đảm trang bị kiến thức, kỹ năng đúng đắn, toàn diện và phù hợp cho thế hệ trẻ.

Đổi mới toàn diện hình thức, phương pháp truyền thông phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng; đẩy mạnh truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; khai thác hiệu quả công nghệ thông tin, truyền thông số và các loại hình truyền thông hiện đại. Nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên dân số; duy trì và nhân rộng các mô hình truyền thông hiệu quả, đồng thời xây dựng các mô hình truyền thông mới phù hợp với tình hình thực tiễn.

Đưa công tác dân số trở thành nội dung tuyên truyền thường xuyên, liên tục trên các phương tiện thông tin đại chúng; đa dạng hóa các loại hình giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản và giới; tổ chức các hoạt động truyền thông thân thiện cho vị thành niên, thanh niên, đặc biệt tại các khu kinh tế, cụm, khu công nghiệp và địa bàn tập trung đông thanh niên.

3. Triển khai thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về dân số

Tiếp tục tổ chức triển khai đồng bộ, nghiêm túc các chính sách, pháp luật về dân số gắn với xây dựng gia đình hạnh phúc, bảo đảm sự hài hòa giữa quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người dân trong thực hiện chính sách dân số.

Rà soát, điều chỉnh hoặc bãi bỏ các quy định không còn phù hợp trong công tác dân số; đồng thời tăng cường trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình văn hóa, hạnh phúc, bảo đảm phù hợp với các chủ trương, chỉ đạo của Tỉnh ủy về công tác dân số trong tình hình mới.

Triển khai các giải pháp nhằm duy trì mức sinh hợp lý, từng bước điều chỉnh tăng mức sinh để đạt mức sinh thay thế, không để mức sinh tiếp tục giảm; bảo đảm sự ổn định, bền vững của cơ cấu dân số.

Tiếp tục thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, áp dụng chế tài xử lý nghiêm các hành vi vi phạm; nâng cao trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ y tế trong thực hiện các quy định liên quan.

Đẩy mạnh thực hiện bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; lồng ghép nội dung công tác dân số trong tình hình mới với công tác gia đình và các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch, gắn với hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở.

Thực hiện đầy đủ các chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp; làm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi.

Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội phù hợp với hiện trạng và xu hướng biến động của các yếu tố dân số; tiếp tục xây dựng và triển khai các chính sách tác động đến phân bố dân số hợp lý theo từng vùng, từng địa phương và trên phạm vi toàn tỉnh; lồng ghép các yếu tố dân số nhằm bảo đảm điều kiện phân bố dân cư phù hợp, bền vững.

Tạo điều kiện thuận lợi để người di cư được tiếp cận đầy đủ, công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản; có chính sách, giải pháp hỗ trợ phù hợp nhằm thu hút, ổn định dân cư tại các vùng khó khăn, vùng trọng yếu về quốc phòng, an ninh và các khu vực phát triển đô thị.

Rà soát, điều chỉnh các chính sách hỗ trợ đối với các nhóm đối tượng ưu tiên trong thực hiện chính sách dân số; tổ chức cung cấp đầy đủ các dịch vụ dân số cơ

bản, thiết yếu theo mức độ ưu tiên; khuyến khích tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực.

Tiếp tục triển khai hiệu quả các đề án, chương trình về nâng cao thể lực, tầm vóc, rèn luyện và chăm sóc sức khỏe Nhân dân, như Chương trình sữa học đường và các chương trình liên quan.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm bảo đảm nguồn kinh phí và điều kiện cần thiết cho việc thực hiện công tác dân số trong tình hình mới.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

Phát triển, củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của mạng lưới cung cấp dịch vụ dân số theo hướng toàn diện, bao phủ các nội dung về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tại tuyến y tế cơ sở, bảo đảm tính sẵn có, thường xuyên và liên tục; ưu tiên bố trí nguồn lực hỗ trợ mạng lưới cung cấp dịch vụ tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Duy trì và nâng cao năng lực mạng lưới cung cấp biện pháp tránh thai tại cộng đồng; tăng cường đào tạo, giám sát kỹ thuật tư vấn tránh thai, quản lý khách hàng và cung cấp các biện pháp tránh thai phi lâm sàng cho đội ngũ cộng tác viên dân số.

Khuyến khích xã hội hóa, xây dựng và triển khai các mô hình huy động cơ sở y tế tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; bảo đảm đa dạng hóa hình thức cung ứng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người dân.

Xây dựng và triển khai mô hình điểm “Dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và tình dục thân thiện cho vị thành niên, thanh niên”, cung cấp gói dịch vụ toàn diện từ tư vấn tâm lý, tình bạn, tình yêu đến cung cấp biện pháp tránh thai hiện đại, khám và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục; tổ chức sơ kết, đánh giá và nhân rộng trên phạm vi toàn tỉnh.

Nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình thông qua việc xây dựng, tổ chức hệ thống giám sát quy trình, quy chuẩn kỹ thuật; thực hiện đào tạo, đào tạo lại và đào tạo liên tục cho nhân viên cung cấp dịch vụ; bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của các cơ sở cung cấp dịch vụ phù hợp với tiêu chuẩn chuyên môn.

Tổ chức mạng lưới cung cấp phương tiện tránh thai bảo đảm đầy đủ, an toàn, đa dạng, thuận tiện và có chất lượng ngày càng cao; bảo đảm nguồn cung ổn định, hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo và gia đình chính sách; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa cung cấp phương tiện và dịch vụ tránh thai, phát triển các hình thức cung cấp dịch vụ thân thiện với vị thành niên, thanh niên.

Triển khai hiệu quả các dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ hỗ trợ sinh sản, tư vấn và kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân. Tăng cường tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ dân số và cán bộ y tế cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu tư vấn, khám sức khỏe trước khi

kết hôn theo quy định; trang bị kiến thức, kỹ năng tư vấn phù hợp với từng nhóm tuổi về tình bạn, tình yêu, hôn nhân và gia đình.

Cung cấp đầy đủ các dịch vụ tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; tăng cường năng lực cho tuyến y tế cơ sở và đội ngũ cán bộ dân số, y tế để đáp ứng yêu cầu chuyên môn, kỹ thuật. Từng bước mở rộng danh mục bệnh, tật trong Chương trình tầm soát; triển khai hệ thống thông tin quản lý dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, đặc biệt trong công tác quản lý, theo dõi các đối tượng mắc bệnh và được điều trị.

Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, trong đó:

- Nhân rộng các mô hình câu lạc bộ người cao tuổi (Câu lạc bộ Liên thế hệ, Câu lạc bộ Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi...) nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần và chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng; trang bị kiến thức, kỹ năng cho tình nguyện viên, cộng tác viên, người chăm sóc và bản thân người cao tuổi về chăm sóc tại gia đình và cộng đồng.

- Phát triển mạng lưới chăm sóc người cao tuổi phù hợp điều kiện kinh tế – xã hội của địa phương; khuyến khích doanh nghiệp, khu vực tư nhân đầu tư xây dựng, vận hành các cơ sở, trung tâm chăm sóc người cao tuổi.

- Củng cố mạng lưới chuyên ngành lão khoa theo hướng kết hợp dự phòng, nâng cao sức khỏe, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc giảm nhẹ; nâng cao năng lực các cơ sở lão khoa đầu ngành, tăng cường đào tạo, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến cơ sở, đặc biệt là nâng cao năng lực điều trị bệnh của người cao tuổi tại Trạm Y tế xã.

- Tổ chức hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, xây dựng môi trường thân thiện, hòa nhập.

- Thực hiện khám sức khỏe định kỳ, lập và quản lý hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi.

- Phát triển phong trào xây dựng xã, phường thân thiện với người cao tuổi; vận động sự tham gia của cộng đồng trong chăm sóc sức khỏe và phát huy vai trò, vị thế của người cao tuổi trong đời sống xã hội.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học về dân số và phát triển, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn nhằm làm rõ mối quan hệ hữu cơ giữa dân số và phát triển, khẳng định dân số là một trong những động lực quan trọng của phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

Đề xuất, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực dân số và phát triển, tập trung vào các vấn đề trọng tâm như: nâng cao chất lượng dân số; thúc đẩy bình đẳng giới và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; dự phòng, điều trị và phục hồi chức năng trong chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

Nghiên cứu, đề xuất các phương án điều chỉnh các yếu tố dân số nhằm bảo đảm quy mô, cơ cấu và phân bố dân số hợp lý, từng bước nâng cao chất lượng dân số, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn.

Tăng cường cung cấp, phổ biến và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, các tiến bộ khoa học - công nghệ, đặc biệt là các nội dung mới về dân số và phát triển, vào công tác hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện trong thực tiễn.

Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ thông tin, số liệu chuyên ngành dân số, trong đó:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác và tin cậy các số liệu, dự báo dân số phục vụ xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Hoàn thiện hệ thống thông tin thống kê và cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm khai thác hiệu quả nguồn dữ liệu sẵn có.

- Tổ chức, kiện toàn mạng lưới thu thập, phân tích, xử lý và phổ biến thông tin, số liệu dân số theo hướng hiện đại; đầu tư phát triển, duy trì và vận hành hiệu quả hệ thống kho dữ liệu điện tử tại cơ quan làm công tác dân số các cấp.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo

Tiếp tục kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số trong tình hình mới.

Rà soát, đánh giá trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ dân số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm đã được xây dựng, phê duyệt theo quy định, làm cơ sở cho công tác bố trí, sử dụng và quản lý cán bộ làm công tác dân số.

Củng cố, kiện toàn đội ngũ cộng tác viên dân số tại ấp, khu phố, khóm; tiếp tục thực hiện các chính sách đãi ngộ phù hợp nhằm ổn định đội ngũ, phát huy vai trò của cộng tác viên dân số trong triển khai nhiệm vụ tại cơ sở.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, tăng cường vai trò chỉ đạo, điều phối của các cơ quan có thẩm quyền trong quản lý và tổ chức thực hiện các lĩnh vực liên quan đến dân số và phát triển.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ dân số các cấp, đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện các nội dung về quy mô, cơ cấu, phân bố và nâng cao chất lượng dân số theo định hướng dân số và phát triển. Từng bước đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành công tác dân số.

7. Các chương trình, đề án để thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch này

- Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030.
- Chương trình Điều chỉnh mức sinh giữa các vùng, đối tượng đến năm 2030.
- Chương trình Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030.
- Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030.
- Chương trình Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030.
- Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030.
- Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp giai đoạn 2021 - 2030.
- Đề án Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển các cấp;
- Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2026 - 2030.

III. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước được bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành, bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện Chiến lược dân số, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Nguồn vốn huy động hợp pháp khác: đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác để tham gia thực hiện công tác dân số theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; bảo đảm triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra.

Chủ động lồng ghép các nội dung về dân số và phát triển vào các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan do các sở, ngành chủ trì thực hiện.

Xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể theo từng chương trình, đề án; lập dự toán kinh phí thực hiện, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế theo quy định; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổng hợp các chỉ tiêu, nội dung về dân số và phát triển trong kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội hằng năm và 05 năm của tỉnh.

Hằng năm, trên cơ sở dự toán do các cơ quan, đơn vị, địa phương lập, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Sở Nội vụ: phối hợp, hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương trong việc bố trí, sử dụng công chức, viên chức làm công tác dân số và phát triển phù hợp với vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội: trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động về dân số và phát triển trong hệ thống tổ chức; tham gia xây dựng chính sách, giám sát việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số.

5. Đề nghị Báo và Phát thanh Truyền hình Đồng Tháp: bố trí thời lượng phát sóng, số lượng tin, bài phù hợp; nâng cao chất lượng tuyên truyền về dân số và phát triển thông qua các chương trình, chuyên trang, chuyên mục, góp phần tạo chuyển biến về nhận thức và hành động trong Nhân dân.

6. Các sở, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; lồng ghép các yếu tố dân số và phát triển vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành, địa phương.

Chỉ đạo cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động nghiêm túc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số; thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện tại đơn vị, địa phương.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 26/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang và Kế hoạch số 360/KH-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị tại Mục IV, Phần II;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Trung).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn